

Bản án số: 26/2025/DS-ST.

Ngày: 11 - 02 - 2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Bình Hòa
- Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Việt Xuân Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 656/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (V1); trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - Số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Đăng V, sinh năm 1997; Nơi làm việc: Tầng C, số A đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/02/2025), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1970; thường trú: Số nhà I (12/2 cũ) đường L, tổ B, khu A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị Thu C1, sinh năm 1982; thường trú: Số nhà I (12/2 cũ) đường L, tổ B, khu A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Đơn khởi kiện ngày 28/6/2024, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q (V1) trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V1) đã ký với ông Đoàn Văn C2 đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 09/08/2022 với nội dung: VIB cấp cho ông Đoàn Văn C 01 thẻ tín dụng, chi tiết như sau: loại thẻ V1, hạn mức 20.000.000 đồng; Lãi suất, phí theo biểu phí và điều khoản điều kiện thẻ tín dụng từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Đoàn Văn C đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 05/5/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N. Tạm tính đến ngày 19/6/2024, ông Đoàn Văn C còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là 42.152.730 đồng (bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng), trong đó: nợ gốc 17.671.275 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.012.630 đồng; phí 16.468.825 đồng.

Ngân hàng TMCP Q (V1) khởi kiện ông Đoàn Văn C ra Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Đoàn Văn C trả cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền tạm tính đến hết ngày 20/12/2024 với nợ gốc là 17.671.275 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.012.630 đồng; phí 16.468.825 đồng.

2. Kể từ ngày 21/12/2024, ông Đoàn Văn C phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định của pháp luật.

***Bản tự khai ngày 20/12/2024, bị đơn - ông Đoàn Văn C trình bày:**

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Hiện nay hoàn cảnh bị đơn khó khăn nên xin thanh toán dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

***Bản tự khai ngày 11/02/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Đoàn Thị Thu C1 trình bày:**

Bà C1 là vợ của ông Đoàn Văn C. Bà C1 xác định ông C có vay tiền Ngân hàng TMCP Q để dùng vào việc tiêu dùng cho gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà C1 không có ý kiến gì và không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Số tiền mà ông C nợ đến thời điểm xét xử là 42.152.730 đồng (trong đó: nợ gốc 17.671.275 đồng, nợ lãi là 8.012.630 đồng, nợ nợ phí 16.468.825 đồng).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay tín dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án thành phố T là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần 2 đối với việc xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng TMCP Q (V1) khởi kiện ông Đoàn Văn C yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Đoàn Văn C trả cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền tạm tính đến hết ngày 20/12/2024 với nợ gốc là 17.671.275 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.012.630 đồng; phí 16.468.825 đồng.

2. Kể từ ngày 21/12/2024, ông Đoàn Văn C phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại biểu phí V1 ngày 11/7/2022

Chứng cứ chứng minh:

Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 09/8/2022; bản tường trình của các bên đương sự.

Quá trình tố tụng, bị đơn thống nhất số nợ và đồng ý trả nợ nhưng yêu cầu được trả nợ 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 09/8/2022 bị đơn ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Nguyên đơn phát hành thẻ cho bị đơn với hạn mức 20.000.000 đồng. Sau khi được phát hành thẻ bị đơn đã sử dụng thẻ ghi nợ với số tiền 17.671.275 đồng. Số tiền này bị đơn sử dụng vào mục đích tiêu dùng trong gia đình. Từ ngày 05/5/2023, bị đơn không trả được nợ nên bị xếp vào nhóm 5 nợ xấu là vi phạm nghĩa vụ của người vay. Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả gốc 17.671.275 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, xét thấy: Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng tại Điều 13 về lãi suất cho vay như sau: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N có quy định về lãi suất cho vay tối đa”*.

Hiện nay Ngân hàng N không quy định về mức lãi suất tối đa và khi ký kết hợp đồng các bên đã thỏa thuận lãi suất nên phải có nghĩa vụ thực hiện sự thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông C chưa trả nợ lãi nên khoản nợ bị quá hạn nên nguyên đơn yêu cầu trả lãi quá hạn số tiền 8.012.630 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài tiền lãi bị đơn còn thỏa thuận với nguyên đơn khoản phí theo biểu phí V1 Plus ngày 11/7/2022 và bị đơn cũng đã vi phạm việc trả phí kể từ ngày 05/5/2023 nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả khoản phí tương ứng với số tiền 16.468.825 đồng là có cơ sở chấp nhận

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn – ông Đoàn Văn C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Về số tiền nợ: Ông Đoàn Văn C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gồm:

+ Nợ gốc: 17.671.275 đồng (mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng)

+ Nợ lãi: 8.012.630 đồng (tám triệu không trăm mười hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

+ Phí: 16.468.825 đồng (mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng cộng: 42.152.730 đồng (bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

- Từ ngày 12/02/2025 trở đi, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả với mức lãi suất các bên thỏa thuận theo biểu phí V1 ngày 11/7/2022 cho đến khi ông C trả xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu số tiền 2.107.637 đồng (hai triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng). Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.054.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002235 ngày 01/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí